

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2012/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2012***NGHỊ ĐỊNH****Về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về quản lý cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân hoạt động tại cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Việt Nam. Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

1. Việc xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão phải phù hợp với quy hoạch phát triển cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phù hợp với điều kiện địa lý tự nhiên của từng vùng, từng địa phương; bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đồng thời tính đến tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng và quản lý cảng cá theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Các hành vi bị cấm trong khu vực cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

1. Phá hủy, tháo gỡ gây hư hại các công trình, trang thiết bị của cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.
2. Lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.
3. Xả dầu thải, chất bẩn, chất độc, chất có hại, nước thải bẩn, rác sinh hoạt, vứt bỏ phế thải không đúng nơi quy định.
4. Thực hiện các hành vi gây cản trở cho việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.
5. Điều khiển tàu cá và phương tiện khác sai quy định gây ảnh hưởng đến công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.
6. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG CÁ

Điều 4. Phân loại cảng cá

Cảng cá được phân loại như sau:

1. Cảng cá loại I: Là cảng cá có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Vị trí: Cảng cá xây dựng tại các cửa sông lớn, vùng vịnh hoặc hải đảo; thu hút tàu cá của nhiều địa phương, kể cả tàu cá nước ngoài, đến bốc dỡ thủy sản và thực hiện các dịch vụ nghề cá khác; là đầu mối phân phối hàng thủy sản tại khu vực hoặc gắn với trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, chợ cá của địa phương;
 - b) Các trang thiết bị chủ yếu, dây chuyền xếp dỡ hàng hóa của cảng được cơ giới hóa 100%;
 - c) Có diện tích vùng đất cảng cá từ 04 ha trở lên (đối với cảng cá tại đảo có diện tích từ 01 ha trở lên); có các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, nhà làm việc và các công trình phụ trợ đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm tại cảng, phòng chống cháy nổ;
 - d) Lượng hàng thủy sản qua cảng thiết kế từ 15.000 tấn/năm trở lên (đối với cảng cá tại đảo từ 3.000 tấn/năm trở lên).
2. Cảng cá loại II: Là cảng cá có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Vị trí: Cảng cá xây dựng tại các cửa sông, kênh, rạch, eo vịnh, đầm ven biển hoặc hải đảo; thu hút tàu cá của địa phương và một số tỉnh lân cận đến bốc dỡ thủy sản và thực hiện các dịch vụ nghề cá khác; là đầu mối tập trung hàng thủy sản, gắn với trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá của địa phương;

b) Một số trang thiết bị, dây chuyền xếp dỡ hàng hóa của cảng đã được cơ giới hóa;

c) Có diện tích vùng đất cảng cá từ 2,5 ha trở lên (đối với cảng cá ở đảo có diện tích từ 0,5 ha trở lên); có các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, nhà làm việc và các công trình phụ trợ đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ tại cảng;

d) Lượng hàng thủy sản qua cảng thiết kế từ 7.000 tấn/năm trở lên (đối với cảng cá tại đảo từ 1.000 tấn/năm trở lên).

Điều 5. Tổ chức quản lý cảng cá

1. Tại các cảng cá do Nhà nước đầu tư hoặc có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, Ban quản lý cảng cá là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Ban quản lý cảng cá, Giám đốc cảng cá do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Tại các cảng cá do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, Ban quản lý cảng cá là doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Ban quản lý cảng cá, Giám đốc cảng cá do chủ đầu tư quyết định.

Điều 6. Điều kiện mở, đóng cảng cá

1. Điều kiện mở cảng cá:

a) Cảng cá, luồng vào cảng đã được nghiệm thu để đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng, giao thông vận tải;

b) Ban quản lý cảng cá đã được thành lập;

c) Có phương án khai thác, sử dụng cảng cá đã được cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh phê duyệt.

2. Điều kiện đóng cảng cá:

Việc quyết định đóng cảng cá khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

a) Điều kiện về địa hình, thủy văn biến động không bảo đảm an toàn cho hoạt động của cảng cá;

b) Công trình cảng cá xuống cấp nghiêm trọng không bảo đảm điều kiện an toàn theo quy định;

c) Ban quản lý cảng cá bị đình chỉ hoạt động hoặc tự chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trình tự, thủ tục công bố mở cảng cá

1. Sau khi hoàn thành việc xây dựng hoặc nâng cấp cảng cá, Ban quản lý cảng cá gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố mở cảng cá.

Hồ sơ một (01) bộ gồm:

- a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục I);
- b) Văn bản cho phép đầu tư xây dựng cảng cá (bản sao chứng thực);
- c) Nội quy, phương án khai thác cảng cá của cảng cá (bản sao chụp);
- d) Quyết định thành lập Ban quản lý cảng cá (bản sao chụp);
- đ) Biên bản nghiệm thu công trình cảng cá đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công (bản sao chứng thực);
- e) Thông báo hàng hải về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng (bản sao chứng thực);
- g) Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (bản sao chứng thực);
- h) Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (bản sao chứng thực).

2. Trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định công bố mở cảng cá. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan có thẩm quyền công bố mở cảng cá có trách nhiệm thông báo về nội dung quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương.

Điều 8. Trình tự, thủ tục công bố đóng cảng cá

1. Giám đốc cảng cá hoặc chủ đầu tư cảng cá có đơn đề nghị đóng cảng cá (theo mẫu Phụ lục II) hoặc văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân có liên quan gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền xem xét và trả lời bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân đề nghị.

3. Cơ quan có thẩm quyền công bố đóng cảng cá có trách nhiệm thông báo về nội dung quyết định công bố đóng cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương.

Điều 9. Cơ quan thẩm quyền công bố mở, đóng cảng cá

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố mở cảng cá loại I.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở cảng cá loại II.
3. Cơ quan có thẩm quyền công bố mở cảng cá đồng thời là cơ quan có thẩm quyền công bố đóng cảng cá.

Điều 10. Nội dung công bố mở cảng cá

1. Tên cảng, loại cảng cá;
2. Địa chỉ, vị trí tọa độ của cảng cá;
3. Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cảng;
4. Độ sâu vùng nước đậu tàu, chiều dài cầu cảng;
5. Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng;
6. Năng lực bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ nghề cá của cảng cá;
7. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động.

Điều 11. Nội dung công bố đóng cảng cá

1. Tên, loại cảng cá;
2. Địa chỉ, vị trí tọa độ của cảng cá;
3. Lý do đóng cảng cá;
4. Thời gian bắt đầu đóng cảng cá.

Điều 12. Quy định đối với tàu cá Việt Nam vào và rời cảng cá

1. Trước khi vào cảng cá, thuyền trưởng hoặc người lái tàu cá phải thông báo trước ít nhất 01 giờ cho Ban quản lý cảng cá về số đăng ký của tàu, cỡ loại tàu, các yêu cầu về dịch vụ và yêu cầu khác (nếu có).

2. Khi vào cảng cá, thuyền trưởng hoặc người lái tàu cá phải tuân thủ sự điều động tàu của Ban quản lý cảng cá và nội quy của cảng cá.

3. Khi rời cảng, thuyền trưởng hoặc người lái tàu cá phải thông báo cho Ban quản lý cảng cá biết trước khi rời cảng.

Điều 13. Quy định đối với tàu cá nước ngoài vào và rời cảng cá

1. Tàu cá nước ngoài chỉ được vào các cảng cá đã quy định trong giấy phép hoạt động thủy sản.

2. Trước khi vào cảng cá, thuyền trưởng tàu cá phải thông báo bằng vô tuyến điện (hoặc các loại phương tiện thông tin khác) trước ít nhất 24 giờ cho Ban quản lý cảng cá về tên tàu, hồ hiệu, số đăng ký tàu, cỡ loại tàu, các yêu cầu về dịch vụ và yêu cầu khác (nếu có).

3. Khi vào cảng, thuyền trưởng tàu cá phải tuân thủ sự điều động tàu của Ban quản lý cảng cá, nội quy của cảng cá; khai báo số lượng thủy sản có trên tàu và xuất trình các giấy tờ sau:

- a) Sổ danh bạ thuyền viên và hộ chiếu của người đi trên tàu;
- b) Giấy phép hoạt động thủy sản;
- c) Nhật ký khai thác hoặc báo cáo hoạt động của tàu cá theo quy định.